

VIỆC LÀM XANH TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SANG KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG*

Bài viết phân tích thực trạng và đặc điểm của việc làm xanh trong bối cảnh Việt Nam chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng bền vững. Dựa vào dự án “Xây dựng bộ chỉ tiêu để đo lường việc làm xanh ở Việt Nam” và một số kết quả khảo sát thí điểm thu thập thông tin về việc làm xanh của Viện Chiến lược Chính sách tài chính - kinh tế phối hợp với Cục Thống kê thực hiện, bài viết cho thấy, việc làm xanh chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng việc làm nhưng phân bố không đồng đều giữa các ngành và nhóm lao động; các chính sách hỗ trợ phát triển việc làm xanh, đặc biệt trong đào tạo kỹ năng và hỗ trợ chi phí học nghề chưa triển khai đồng bộ; qua đó, đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy phát triển việc làm xanh ở Việt Nam.
Từ khóa: Việc làm xanh; tăng trưởng xanh; kinh tế bền vững; chính sách hỗ trợ phát triển; Việt Nam.

This article analyzes the current situation and characteristics of green jobs as Viet Nam transitions toward a sustainable growth model. Drawing on the project “Developing a Set of Indicators for Measuring Green Jobs in Viet Nam” and selected findings from pilot surveys on green employment conducted by the National Institute for Economics and Finance in coordination with the Statistics Office, the article indicates that green jobs account for a considerable share of total employment but are unevenly distributed across sectors and labor groups. Policies supporting green job development, particularly skills training and vocational training cost assistance, have not been implemented consistently. Accordingly, the article proposes several policy implications for promoting green job development in Viet Nam.

Keywords: Green jobs; green growth; sustainable economy; development support policies; Viet Nam.

NGÀY NHẬN: 16/5/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 26/9/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 19/10/2026

Email: phuongttm@ulsa.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.371.2026.1682>

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, việc làm xanh ngày càng được coi là một trong những nội dung quan trọng nhằm bảo đảm hài hòa

giữa mục tiêu phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh xã hội. Phát triển việc làm xanh không chỉ góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu,

* TS, Trường Đại học Lao động - Xã hội

suy thoái môi trường mà còn mở ra những cơ hội mới về tạo việc làm, nâng cao chất lượng lao động và thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững. Nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đã nhấn mạnh vai trò của việc làm xanh như một động lực quan trọng trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp và kinh tế tuần hoàn.

Tại Việt Nam, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra nhanh chóng trong những thập kỷ qua đã mang lại nhiều thành tựu về tăng trưởng kinh tế nhưng cũng đặt ra những thách thức lớn về môi trường, sử dụng tài nguyên và phát triển bền vững. Trước yêu cầu cấp thiết phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng, Việt Nam đã ban hành nhiều chiến lược, chương trình hành động về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, qua đó, thúc đẩy quá trình “xanh hóa” nền kinh tế và thị trường lao động. Trong bối cảnh đó, việc làm xanh không chỉ giới hạn trong một số ngành truyền thống như năng lượng tái tạo hay bảo vệ môi trường mà bao trùm các lĩnh vực thông qua việc áp dụng các quy trình, công nghệ và phương thức sản xuất thân thiện với môi trường.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

Khái niệm việc làm xanh được tiếp cận rộng rãi trong các nghiên cứu quốc tế, nhấn mạnh mối liên hệ giữa hoạt động lao động với mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO, 2018), việc làm xanh là những công việc góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường; đồng thời, bảo đảm các tiêu chí của việc làm bền vững. Cách tiếp cận này đặc biệt phù hợp với bối cảnh Việt Nam, nơi phần lớn việc làm “xanh” gắn với việc cải thiện quy trình sản xuất theo hướng tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và sử dụng hiệu quả tài nguyên.

Chương trình Môi trường Liên Hợp quốc (UNEP, 2011) nhấn mạnh vai trò của việc làm xanh trong quá trình chuyển đổi sang

nền kinh tế xanh, khi việc làm không chỉ được tạo ra trong các ngành “xanh” như năng lượng tái tạo hay quản lý chất thải mà còn thông qua quá trình “xanh hóa” các ngành kinh tế truyền thống. Kết quả điều tra thí điểm của Viện Chiến lược Chính sách tài chính - kinh tế & Cục Thống kê (2026) cho thấy, xu hướng này cũng diễn ra rõ nét tại Việt Nam: việc làm xanh chủ yếu hình thành trong các ngành sản xuất và dịch vụ hiện hữu thông qua áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường, thay vì xuất hiện các ngành nghề hoàn toàn mới.

Về phương pháp đo lường, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD, 2017) đề xuất hai cách tiếp cận chính: dựa trên sản phẩm đầu ra và dựa trên quy trình sản xuất. Nếu chỉ dựa vào tiêu chí sản phẩm xanh, quy mô việc làm xanh có thể bị đánh giá chưa đầy đủ, do phần lớn lao động tham gia vào các hoạt động “xanh hóa” quy trình hơn là trực tiếp tạo ra sản phẩm, dịch vụ môi trường. Vì vậy, cách tiếp cận kết hợp được xem là phù hợp hơn trong bối cảnh hiện nay, giúp nhận diện toàn diện các dạng thức việc làm xanh trong nền kinh tế.

Các nghiên cứu thực nghiệm quốc tế cũng chỉ ra rằng, tác động của chuyển đổi xanh đến thị trường lao động phụ thuộc đáng kể vào chất lượng nguồn nhân lực và các chính sách hỗ trợ. Nghiên cứu của Barbier (2010) cho thấy, các chương trình kinh tế xanh có thể tạo ra nhiều việc làm mới, song hiệu quả phụ thuộc vào năng lực thích ứng của thị trường lao động. Bowen (2012) nhấn mạnh yêu cầu nâng cao kỹ năng và đào tạo lại lực lượng lao động trong quá trình chuyển dịch. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy xu hướng tương tự tại Việt Nam, khi tỷ lệ lao động đã qua đào tạo trong các công việc liên quan đến yếu tố “xanh” còn hạn chế, đặc biệt ở nhóm lao động phổ thông. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi xanh.

3. Phương pháp và kết quả nghiên cứu

Bài viết sử dụng dữ liệu từ cuộc khảo sát của Viện Chiến lược Chính sách tài chính - kinh tế & Cục Thống kê (2026). Khảo sát được thiết kế nhằm thu thập thông tin ở cấp độ cá nhân người lao động, tập trung vào đặc điểm việc làm, điều kiện làm việc, mức độ tham gia vào các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên. Bằng việc sử dụng các phương pháp thống kê mô tả nhằm phản ánh quy mô, cơ cấu và đặc điểm của việc làm xanh theo các tiêu chí, như: ngành kinh tế, loại hình việc làm, trình độ chuyên môn, giới tính, bài viết phân tích và chỉ ra kết quả nghiên cứu như sau:

Thứ nhất, quy mô lao động có việc làm xanh. Theo Viện Chiến lược và Chính sách kinh tế - tài chính & Cục Thống kê (2026), trong tổng số 684 nghìn lao động có việc làm, có 210 nghìn lao động có việc làm thân thiện với môi trường (việc làm xanh), chiếm 30,7%. Trong đó, lao động nữ có việc làm xanh là 101 nghìn người, chiếm 48,3%, lao động nam là 109 nghìn người, chiếm 51,7%.

Xét theo tiêu chí tiếp cận việc làm xanh, đa số lao động có việc làm xanh trong nhóm có áp dụng quy trình, công nghệ và phương thức sản xuất xanh (chiếm 26,8%), chỉ có 8,9% lao động có việc làm thuộc nhóm tạo ra sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ xanh và có 5,0% lao động có việc làm xanh thỏa mãn hai tiêu chí tiếp cận là việc làm tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ xanh và việc làm áp dụng quy trình, công nghệ và phương thức sản xuất xanh.

Xét theo giới tính, lao động nữ có việc làm tạo ra sản phẩm hàng hóa, dịch vụ xanh chiếm ưu thế rõ rệt (60,4%). Tỷ lệ nữ có việc làm xanh trong nhóm này là 11,1%, cao hơn gần gấp hai lần tỷ lệ này của lao động nam (6,9%). Ngược lại, tỷ lệ có việc làm xanh của nam cao hơn của nữ trong nhóm làm việc trong các quy trình, công nghệ và phương thức sản xuất xanh (27,9% của nam so với 25,6% của nữ) (Viện Chiến lược và Chính sách kinh tế - tài chính & Cục Thống kê, 2026).

Thứ hai, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có việc làm xanh. Trong tổng số 210 nghìn lao động có việc làm xanh, có khoảng 50 nghìn lao động đã qua đào tạo (đạt 24,0%), trong đó lao động có trình độ đại học trở lên chiếm tỷ trọng cao nhất (10,2%), nhóm trung cấp và cao đẳng chiếm 8,8%, sơ cấp chiếm 5,1%. Tỷ lệ lao động có việc làm xanh tăng dần theo trình độ chuyên môn kỹ thuật, song vẫn ở mức thấp. Tỷ lệ lao động có trình độ trung cấp, cao đẳng và đại học trở lên còn khiêm tốn, điều này cho thấy, việc làm xanh chưa thực sự thu hút hoặc tận dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có việc làm xanh có sự khác biệt theo giới tính, cụ thể: tỷ lệ này ở lao động nam là 34,2%, cao gấp 2,5 lần so với lao động nữ (13,2%). Ở trình độ sơ cấp tỷ lệ lao động nam có việc làm xanh là 7,7%, nữ là 2,3%; ở trình độ trung cấp hoặc cao đẳng, tỷ lệ này của nam là 14,5% và của nữ thấp hơn rất nhiều (2,6%); trình độ đại học trở lên, tỷ lệ lao động nam có việc làm xanh là 12,0%, nữ là 8,2%. Điều này phản ánh có khoảng cách giới trong tiếp cận đào tạo nghề và đào tạo kỹ năng đối với việc làm xanh, lao động nam có việc làm xanh chiếm ưu thế rõ rệt về trình độ chuyên môn kỹ thuật so với lao động nữ (*Hình 1*). Tuy nhiên, lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật đang chiếm ưu thế rất lớn về tỷ lệ có việc làm xanh.

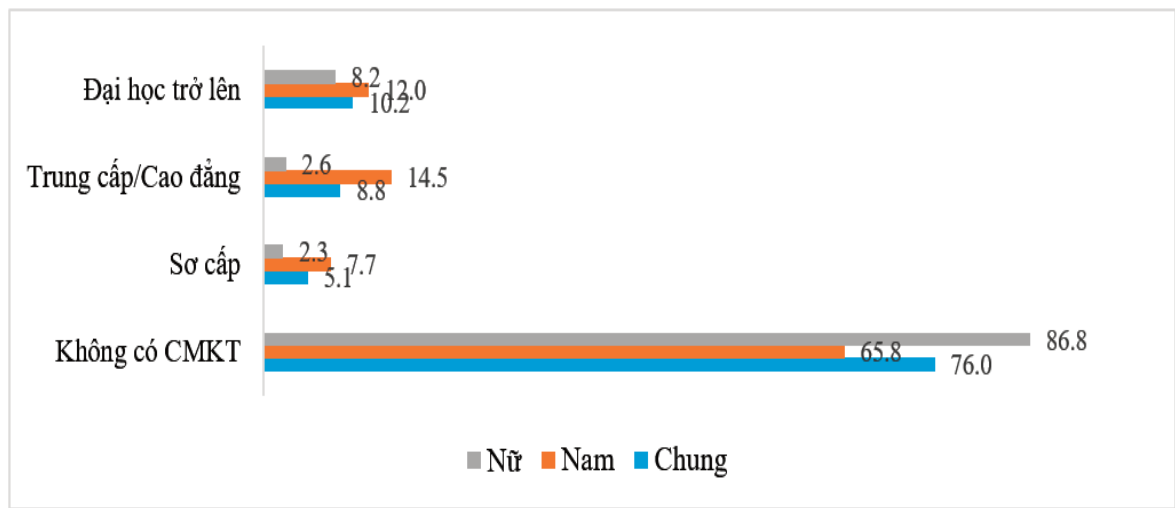
Nếu so sánh tỷ lệ lao động có việc làm xanh ở 2 nhóm, gồm nhóm có việc làm tạo ra hàng hóa, dịch vụ xanh và nhóm có việc làm áp dụng quy trình, công nghệ và phương thức sản xuất xanh cho thấy có sự khác biệt khá rõ nét. Cụ thể, nhóm có việc làm tạo ra hàng hóa, dịch vụ xanh có tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có việc làm xanh thấp (chỉ đạt 14,3%), thấp hơn nhiều so với mức chung của toàn bộ lao động có việc làm xanh. Đáng chú ý, tỷ lệ này ở lao động nam (29,3%) cao hơn gấp 6,7 lần của lao động nữ (4,4%). Điều này phản ánh lao động nữ trong nhóm việc làm tạo ra

hàng hóa, dịch vụ xanh chủ yếu đảm nhận các công việc giản đơn, ít cơ hội tiếp cận đào tạo. Nhóm lao động có việc làm áp dụng quy trình, công nghệ và phương thức sản xuất xanh có tỷ lệ lao động đã qua đào tạo cao hơn mức chung của toàn bộ việc làm xanh (24,8%

so với 24,0%). Xét theo giới tính, tỷ lệ lao động nam đã qua đào tạo tiếp tục chiếm ưu thế hơn so với nữ giới (33,4% so với 14,9%), khoảng cách giới ở nhóm này vẫn tồn tại nhưng đã thu hẹp hơn so với nhóm việc làm tạo ra hàng hóa, dịch vụ xanh.

Hình 1. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có việc làm xanh phân theo giới tính

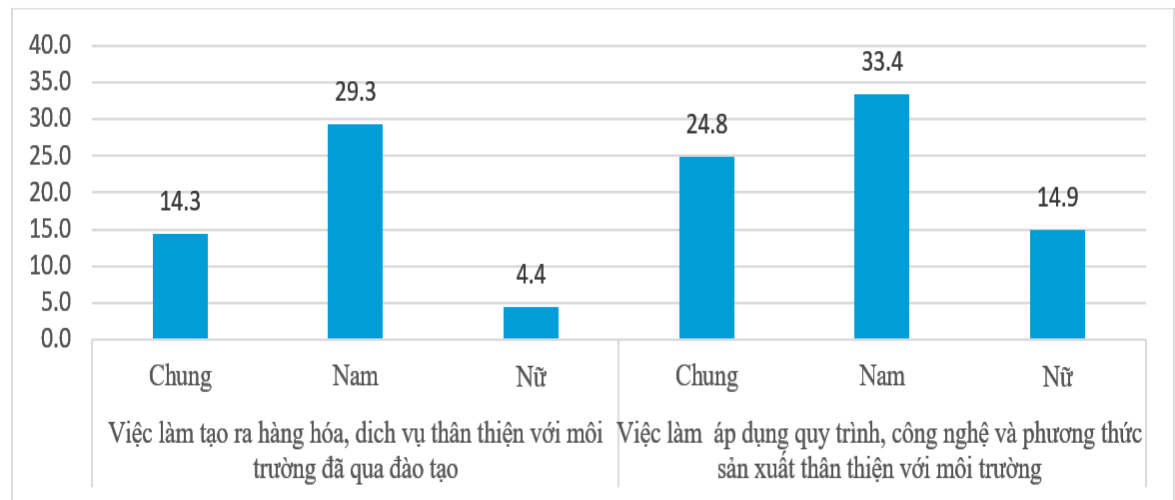
Đơn vị tính: %



Nguồn: Viện Chiến lược Chính sách tài chính - kinh tế & Cục Thống kê, 2026.

Hình 2. Tỷ lệ lao động có việc làm xanh đã qua đào tạo theo nhóm việc làm

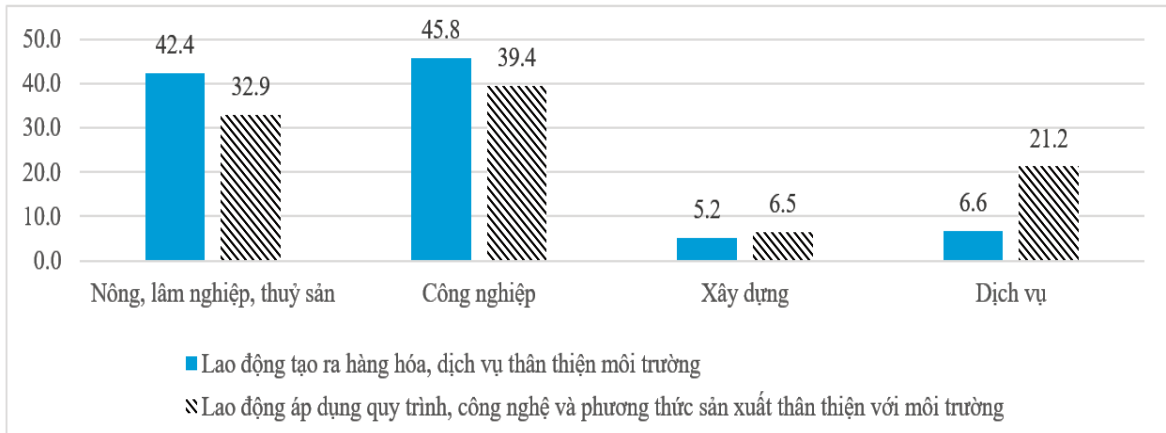
Đơn vị tính: %



Nguồn: Viện Chiến lược Chính sách tài chính - kinh tế & Cục Thống kê, 2026.

Hình 3. Tỷ lệ lao động có việc làm xanh theo ngành kinh tế

Đơn vị tính: %



Nguồn: Viện Chiến lược Chính sách tài chính - kinh tế & Cục Thống kê, 2026.

So với lao động có việc làm tạo ra hàng hóa, dịch vụ xanh, trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động nữ có việc làm áp dụng quy trình, công nghệ và phương thức sản xuất xanh cao hơn đáng kể (14,9% so với 4,4%) (Hình 2). Nhìn tổng thể, có thể thấy, việc làm xanh ở Việt Nam hiện nay chưa gắn với đào tạo và phát triển kỹ năng, đặc biệt là đối với lao động nữ và nhóm sản xuất sản phẩm hàng hóa, dịch vụ xanh. Bên cạnh đó, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng xanh của người lao động đang hạn chế, vẫn còn khoảng cách giới trong tiếp cận việc làm xanh (nam giới đang có ưu thế hơn nữ giới).

Thứ ba, cơ cấu việc làm xanh theo ngành kinh tế.

Tỷ lệ việc làm xanh trong từng ngành kinh tế tiếp cận theo 2 nhóm việc làm cũng có sự khác biệt khá lớn (Hình 3). Với nhóm việc làm tạo ra hàng hóa, dịch vụ xanh: tỷ lệ việc làm của ngành công nghiệp là cao nhất (chiếm 45,8%), nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 42,4%, ngành xây dựng và dịch vụ có tỷ lệ thấp hơn, trong đó thấp nhất là ngành xây dựng (tỷ lệ là 5,2%, thấp hơn gần 9 lần so với ngành công nghiệp). Nhóm việc làm áp dụng quy trình, công nghệ và phương thức sản xuất xanh, tỷ lệ việc làm theo ngành công nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất (39,4%), nông, lâm

ng nghiệp và thủy sản là 32,9%, dịch vụ là 6,6% và xây dựng chiếm tỷ lệ thấp nhất (6,5%). Các kết quả này phản ánh mức độ tham gia việc làm xanh giữa các ngành kinh tế có sự khác nhau lớn, ngành công nghiệp, nông lâm nghiệp, thủy sản cao hơn rất nhiều so với ngành dịch vụ và ngành xây dựng.

4. Hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc làm xanh tại Việt Nam đã bước đầu hình thành và có xu hướng gia tăng, song chủ yếu phát triển theo chiều rộng thông qua quá trình “xanh hóa” các hoạt động sản xuất - kinh doanh hiện hữu, hơn là hình thành các ngành nghề xanh chuyên biệt. Phát hiện này phù hợp với cách tiếp cận lý thuyết về việc làm xanh theo hướng quy trình sản xuất; đồng thời, phản ánh đặc điểm của các nền kinh tế đang phát triển, nơi năng lực công nghệ và mức độ chuyên môn hóa còn hạn chế.

Tỷ lệ việc làm xanh theo quy trình cao hơn đáng kể so với tiêu chí sản phẩm đầu ra. Điều này cho thấy, các doanh nghiệp và tổ chức tại Việt Nam đã có những bước chuyển ban đầu trong việc cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tác động môi trường, song mức độ đổi mới công nghệ và phát triển sản phẩm xanh còn khiêm tốn. So với quốc tế, kết quả cho thấy, Việt Nam vẫn đang ở giai

đoạn đầu của quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, vì vậy, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách như sau:

Một là, hoàn thiện khung đo lường và hệ thống thống kê về việc làm xanh. Việc xây dựng bộ chỉ tiêu thống nhất, phù hợp với thông lệ quốc tế nhưng thích ứng với điều kiện Việt Nam là cơ sở quan trọng để theo dõi, đánh giá và hoạch định chính sách. Đồng thời, cần tích hợp các chỉ tiêu về việc làm xanh vào hệ thống điều tra lao động - việc làm hiện hành nhằm bảo đảm tính liên tục và so sánh theo thời gian.

Hai là, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực xanh thông qua hệ thống giáo dục và đào tạo, đào tạo nghề. Các chương trình đào tạo cần được điều chỉnh theo hướng tích hợp kỹ năng “xanh”, bao gồm: kỹ năng sử dụng công nghệ sạch, quản lý tài nguyên và nhận thức môi trường. Đồng thời, cần tăng cường các chính sách hỗ trợ đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho người lao động, đặc biệt đối với các nhóm lao động nữ, lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động.

Ba là, thúc đẩy quá trình “xanh hóa” doanh nghiệp và ngành kinh tế thông qua các chính sách khuyến khích đổi mới công nghệ và áp dụng quy trình sản xuất thân thiện với môi trường. Các công cụ chính sách, như: ưu đãi thuế, hỗ trợ tài chính, tín dụng xanh và tiêu chuẩn môi trường cần được thiết kế đồng bộ nhằm tạo động lực cho doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động xanh, qua đó, mở rộng cơ hội việc làm xanh, cần tăng cường thúc đẩy xanh hóa ở các ngành đồng bộ hơn, đặc biệt các ngành có tỷ lệ việc làm xanh đang rất thấp như ngành xây dựng, dịch vụ.

Bốn là, tăng cường kết nối giữa chính sách thị trường lao động và chính sách môi trường. Việc lồng ghép mục tiêu phát triển việc làm xanh vào các chương trình việc làm, an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo đảm quá trình chuyển đổi xanh diễn ra theo hướng bao trùm và bền vững.

Năm là, đẩy mạnh nâng cao nhận thức của người lao động và doanh nghiệp về vai trò

của việc làm xanh. Cần triển khai đồng bộ các hoạt động như phổ biến thông tin, đào tạo, hướng dẫn kỹ năng xanh, chia sẻ các mô hình việc làm xanh thực tiễn gắn với nhu cầu của từng ngành, của doanh nghiệp, địa phương. Tăng cường sự tham gia của các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức đào tạo, các cơ quan quản lý trong việc xây dựng mạng lưới thúc đẩy nâng cao nhận lực về việc làm xanh cho doanh nghiệp và người lao động.

5. Kết luận

Qua nghiên cứu cho thấy, việc làm xanh đã bước đầu hình thành và có xu hướng mở rộng, song chủ yếu thông qua quá trình “xanh hóa” các hoạt động sản xuất - kinh doanh. Cơ cấu việc làm xanh phân bố không đồng đều giữa các ngành và nhóm lao động, chất lượng nguồn nhân lực và mức độ ứng dụng công nghệ còn hạn chế. Do vậy, bài viết đã chỉ rõ phần lớn việc làm xanh tại Việt Nam hiện nay tập trung ở mức độ trung bình, gắn với các hoạt động cải tiến quy trình, như: tiết kiệm năng lượng, giảm chất thải, thay vì các hoạt động có hàm lượng công nghệ cao. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo trong nhóm việc làm xanh còn thấp, do đó, những đề xuất trong bài viết nhằm thúc đẩy phát triển việc làm xanh, góp phần vào quá trình phát triển bền vững của Việt Nam □

Tài liệu tham khảo:

- Barbier, E. B. (2010). *A global green new deal: Rethinking the economic recovery*. Cambridge University Press.
- Bowen, A. (2012). *Green growth, green jobs and labor markets*. Policy Research Working Paper. World Bank.
- International Labour Organization (2018). *World employment and social outlook 2018: Greening with jobs*. ILO.
- Organisation for Economic Co-operation and Development (2017). *Green growth indicators 2017*. OECD Publishing.
- United Nations Environment Programme (2011). *Towards a green economy: Pathways to sustainable development and poverty eradication*. UNEP.
- Viện Chiến lược và Chính sách kinh tế - tài chính & Cục Thống kê (2026). *Báo cáo việc làm xanh*. <https://www.mof.gov.vn/>